

Số: 37 /2023/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 30 tháng 07 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số quy định các loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Định**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày  
22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Cư trú ngày 13 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính  
phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;  
Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định  
chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ  
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của  
Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số  
106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa  
đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm  
2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền  
quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Thông  
tư số 75/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính  
quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú;*

*Căn cứ Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của  
Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số quy định về phí, lệ phí thuộc thẩm  
quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định các loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Định kèm theo Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

1. Bổ sung quy định phí thẩm định cấp, cấp lại giấy phép môi trường tại điểm a khoản 2 Điều 14a (đã được bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Quyết định số 61/2022/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh) như sau:

“- Đối với dự án quy định tại khoản 8 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường: 11.000.000 đồng/giấy phép.

- Phí cấp giấy phép môi trường điều chỉnh đối với dự án quy định tại khoản 8, Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14a (đã được bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Quyết định số 61/2022/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh).”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 19 như sau:

“3. Mức thu

a) Trường hợp 1: Giấy chứng nhận cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chỉ có quyền sử dụng đất (Thửa đất không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất).

b) Trường hợp 2: Giấy chứng nhận cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chỉ có quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu tài sản trên đất; Giấy chứng nhận cấp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân về quyền sử dụng đất cùng với quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

| STT | Nội dung                                                                                                   | Đơn vị tính | Mức thu trong trường hợp cung cấp dịch vụ công trực tiếp |              | Mức thu trong trường hợp cung cấp dịch vụ công trực tuyến |              |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------|--------------|-----------------------------------------------------------|--------------|
|     |                                                                                                            |             | Trường hợp 1                                             | Trường hợp 2 | Trường hợp 1                                              | Trường hợp 2 |
| I   | ĐỐI VỚI TỔ CHỨC                                                                                            |             |                                                          |              |                                                           |              |
| 1   | Cấp lần đầu                                                                                                |             |                                                          |              |                                                           |              |
| a   | Các phường thuộc thành phố và thị xã                                                                       | đồng/giấy   | 100.000                                                  | 500.000      | 50.000                                                    | 250.000      |
| b   | Khu vực khác                                                                                               | đồng/giấy   | 100.000                                                  | 450.000      | 50.000                                                    | 225.000      |
| 2   | Cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận |             |                                                          |              |                                                           |              |
| a   | Các phường thuộc thành phố và thị xã                                                                       | đồng/lần    | 20.000                                                   | 50.000       | 10.000                                                    | 25.000       |

| STT       | Nội dung                                                                                                   | Đơn vị tính | Mức thu trong trường hợp cung cấp dịch vụ công trực tiếp |              | Mức thu trong trường hợp cung cấp dịch vụ công trực tuyến |              |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------|--------------|-----------------------------------------------------------|--------------|
|           |                                                                                                            |             | Trường hợp 1                                             | Trường hợp 2 | Trường hợp 1                                              | Trường hợp 2 |
| b         | Khu vực khác                                                                                               | đồng/lần    | 20.000                                                   | 40.000       | 10.000                                                    | 20.000       |
| 3         | Đăng ký biến động đất đai (kể cả trường hợp cấp tách giấy chứng nhận)                                      |             |                                                          |              |                                                           |              |
| a         | Các phường thuộc thành phố và thị xã                                                                       | đồng/giấy   | 50.000                                                   | 250.000      | 25.000                                                    | 125.000      |
| b         | Khu vực khác                                                                                               | đồng/giấy   | 50.000                                                   | 200.000      | 25.000                                                    | 100.000      |
| <b>II</b> | <b>ĐỐI VỚI CÁ NHÂN, HỘ GIA ĐÌNH</b>                                                                        |             |                                                          |              |                                                           |              |
| 1         | Cấp lần đầu                                                                                                |             |                                                          |              |                                                           |              |
| a         | Các phường thuộc thành phố và thị xã                                                                       | đồng/giấy   | 25.000                                                   | 100.000      | 12.000                                                    | 50.000       |
| b         | Khu vực khác                                                                                               | đồng/giấy   | Miễn                                                     | Miễn         | Miễn                                                      | Miễn         |
| 2         | Cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận |             |                                                          |              |                                                           |              |
| a         | Các phường thuộc thành phố và thị xã                                                                       | đồng/lần    | 20.000                                                   | 20.000       | 10.000                                                    | 10.000       |
| b         | Khu vực khác                                                                                               | đồng/lần    | Miễn                                                     | Miễn         | Miễn                                                      | Miễn         |
| 3         | Đăng ký biến động đất đai (kể cả trường hợp cấp tách giấy chứng nhận)                                      |             |                                                          |              |                                                           |              |
| a         | Các phường thuộc thành phố và thị xã                                                                       | đồng/giấy   | 20.000                                                   | 20.000       | 10.000                                                    | 10.000       |
| b         | Khu vực khác                                                                                               | đồng/giấy   | Miễn                                                     | Miễn         | Miễn                                                      | Miễn         |

3. Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 2 Điều 21 về trường hợp không thu lệ phí như sau:

“d) Đăng ký kinh doanh qua dịch vụ công trực tuyến.”

**Điều 2.** Bãi bỏ Điều 16 của Quy định các loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Định kèm theo Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 61/2022/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

**Điều 3.** Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các đơn vị có chức năng thu phí, lệ phí triển khai thực hiện theo Quyết định này.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2023.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể chính trị;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành liên quan;
- Sở Tư pháp;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo và chuyên viên VP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, TTTHCB, K17.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tự Công Hoàng**